

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 23-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Hữu Đệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T1**, sinh năm 196x; Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà: Trương Thị M (đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị L; Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án: Ngày 25-8-2016, Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Đánh bạc; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-12-2017 đến nay - Có mặt.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T 2**, sinh năm 198x; Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M và bà: Lê Thị H; Có vợ: Đặng Thị N; Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-12-2017 đến ngày 29-12-2017 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

3. Họ và tên: **NGUYỄN ĐĂNG X**, sinh năm 196x; Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng X (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Đ (đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị N; Có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-12-2017 đến ngày 29-12-2017 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

4. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN K**, sinh năm 197x; Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N và bà: Nguyễn Thị N; Có vợ: Nguyễn Thị T; Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-12-2017 đến ngày 29-12-2017 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

5. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN C**, sinh năm 196x; Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị M; Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-12-2017 đến ngày 29-12-2017 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 196x - Có mặt

Cư trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26-12-2017, Tổ công tác thuộc Đoàn Công an N, Công an huyện Đ đã phát hiện và bắt quả tang tại nhà Nguyễn Văn C1, sinh năm 197x, ở Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H có 05 đối tượng gồm: Nguyễn Văn T1 (sinh năm 196x), Nguyễn Đăng X (sinh năm 196x), Nguyễn Văn T2 (sinh năm 198x) và Nguyễn Văn K (sinh năm 197x), cùng cư trú tại Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H đang tham gia đánh bạc, hình thức đánh chắn; Nguyễn Văn C (sinh năm 196x) giúp sức chia bài. Vật chứng thu giữ gồm 3.200.000 đồng là tiền trên chiếu bạc; 42.910.000 đồng trên người các đối tượng (cụ thể: của Nguyễn Văn T1: 28.900.000 đồng; của Nguyễn Đăng X: 7.500.000 đồng; của Nguyễn Văn T2: 510.000 đồng; của Nguyễn Văn K 6.000.000 đồng); 02 bộ bài chắn; 02 đĩa sù và 01 chiếu cối.

Quá trình bắt giữ có anh Nguyễn Đăng H , sinh năm 196x; Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, Thành phố H) ngồi xem.

Công an huyện Đ đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng T1, X, T2, K, C và người liên quan về trụ sở để điều tra làm rõ.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ :

Của Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại Nokia, số imei 1: 358624062677500, số imei 2: 358624062677518, lắp sim số thuê bao 0986667699.

Của Nguyễn Đăng X: 01 điện thoại Nokia, số imei 1: 355731065978141, số imei 2: 355731065978158, lắp sim số thuê bao 0946272432.

Của Nguyễn Văn K: 01 điện thoại Nokia, số imei 1: 353721076440100, số imei 2: 353721076440118 lắp sim số thuê bao 01679987660.

Của Nguyễn Văn T2: 01 ví giả da màu nâu, 01 điện thoại Nokia, số imei 1: 357307083422707, số imei 2: 357307083422715, lắp sim số thuê bao 01667281871.

Của Nguyễn Văn C: 01 điện thoại Coolpad, số imei 1: 869706021436060; số imei 2: 869706021484144, lắp sim số thuê bao 01693577486.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26-12-2017, các bị cáo T1, X, T2, K và C đều cư trú tại Xóm M, xã C, huyện Đ đến nhà anh Nguyễn Văn C1 ở cùng xóm ngồi chơi, uống nước. Sau đó, T1, X, K, T2 rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh chẵn ăn tiền, đồng thời ngồi xuống chiếu trải sẵn dưới nền nhà anh C1 tham gia đánh bạc và bảo C giúp sức chia bài. C đồng ý và lấy 02 bộ bài chẵn, mỗi bộ 100 quân, 02 chiếc đĩa sứ để trên tủ gỗ nhà anh C1, ngồi bên cạnh chia bài cho T1, X, K, T2 đánh bạc.

Các bị cáo quy định hình thức đánh chẵn và mức sát phạt như sau: Người nào ù, thu tiền của 3 người còn lại. ù xuống, thu của mỗi người 20.000 đồng, dịch 10.000 đồng; ù các cước bạch thủ chì, bạch định, thu của mỗi người 70.000 đồng; ù tám đỏ, thu của mỗi người 80.000 đồng; ù các cước tám đỏ hai lèo, thập thành, kính tứ chi, thu của mỗi người 120.000 đồng. Ai ù các cước bạch thủ chì, bạch định, tám đỏ, thập thành, kính tứ chi gọi là ù “gà” thì cho Cảnh 10.000 đồng tiền công chia bài và thu thêm của mỗi người 50.000 đồng tiền gà.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn T1, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn K đang tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn C chia bài thì bị lực lượng Đồn Công an N, Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang.

Nguyễn Văn T1 khai mang theo 29.400.000 đồng, T1 bỏ ra 500.000 đồng để tham gia đánh bạc, thắng 350.000 đồng. Còn lại 28.900.000 đồng là tiền T1 vay của chị Tạ Thị N, sinh năm 198x (Nơi cư trú: xã N, huyện P, tỉnh T) 11.000.000 đồng và vay của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 198x; (Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường C, thành phố S, tỉnh T) 16.500.000 đồng và tiền của T1, mục đích để trả nợ cho bà Nguyễn Thị D, sinh năm 195x (Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ), cất trong người và không sử dụng đánh bạc.

Nguyễn Văn T2 khai mang theo 1.030.000 đồng sử dụng để đánh bạc. T2 đã bỏ ra trước 520.000 đồng tham gia đánh bạc, thắng 200.000 đồng.

Nguyễn Đăng X khai mang theo 8.350.000 đồng. X bỏ ra 850.000 đồng sử dụng đánh bạc, thắng 150.000 đồng. Còn lại 7.500.000 đồng, là tiền của X khai cất trong người để đi mua gà, vịt về bán và không sử dụng đánh bạc.

Nguyễn Văn K khai mang theo 6.300.000 đồng sử dụng để đánh bạc. K bỏ ra trước 300.000 đồng tham gia đánh bạc, thắng 250.000 đồng.

Nguyễn Văn C khai chuẩn bị công cụ đánh bạc (bài, đĩa sù) và chia bài cho các bị cáo T1, T2, X và K đánh bạc. Ván nào có người chơi ù “gà”, C được hưởng 10.000 đồng công chia bài. Khi bị bắt, C thu lợi tiền công chia bài là 150.000 đồng.

Tổng số tiền các bị c áo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C sử dụng đánh bạc là 9.710.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị c áo Nguyễn Văn K , Nguyễn Văn T 2, Nguyễn Đăng X và Nguyễn Văn C còn khai nhận: Ngày 23-12-2017, K, T2, X tham gia đánh bạc, hình thức đánh chắn ăn tiền cùng anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 196x (Nơi cư trú: Phố C, xã C, huyện Đ, Thành phố H) tại nhà Nguyễn Văn C 1 và C là người chia bài. Do không xác định được số tiền các bị c áo và anh H sử dụng đánh bạc nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và anh H về hành vi đánh bạc ngày 23-12-2017. Ngày 13-02-2017, Công an huyện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Đăng H.

Đối với anh Nguyễn Văn C1, quá trình điều tra xác định các bị cáo đánh bạc tại nhà anh C1 nhưng không hỏi anh C1, anh C1 không biết, không được hưởng lợi gì nên không đồng phạm. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C1.

Đối với anh Nguyễn Đăng H đến chơi, ngồi xem, không tham gia đánh bạc, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H.

Đối với Nguyễn Văn T1, năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là phạm tội trong thời gian thử thách của bản án.

Đối với vật chứng đã thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo gồm: 9.710.000 đồng, 02 đĩa sù, chiếu các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và chuẩn bị đánh bạc chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 28.900.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn Tuấn và 7.500.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Đăng X là tài sản của các bị cáo cần trả lại các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác xét xử và thi hành án, chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết.

Đối với 05 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví da màu nâu Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn T 1; Nguyễn Đăng X ; Nguyễn Văn K ; Nguyễn Văn T2; Nguyễn Văn C là tài sản của các bị c áo, không sử dụng vào việc đánh bạc do đó ngày 13-02-2018, Cơ quan điều tra quyết định xử lý v ật chứng, trả lại cho các bị cáo các tài sản trên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSĐA ngày 06-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C thành khẩn khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng đã nêu, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, khoản 5 Điều 60; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 và xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù, tổng hợp hình phạt 30 tháng tù của bản án số 107/2016 ngày 25-8-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 40 đến 42 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo K, C: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo T2, X. Xử phạt các bị cáo T2, X, C từ 04 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Xử phạt bị cáo K từ 05 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với mỗi bị cáo 3.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công số tiền 9.710.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sừ, 01 chiếu cói. Trả lại bị cáo T1 số tiền 28.900.000 đồng, bị cáo X số tiền 7.500.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Lời nói sau cùng các bị cáo trình bày: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Đăng H, cùng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, Biên bản kiểm tra nhật ký điện thoại, Sơ đồ hiện

trường, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26-12-2017, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn K đang tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh chắn, được thua bằng tiền, Nguyễn Văn C giúp sức chia bài nhận tiền công thì bị lực lượng Đồn Công an N, Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.710.000 đồng. Do đó, các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Nội dung điều luật quy định: 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định về tội Đánh bạc thì quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 có lợi hơn đối với các bị cáo. Căn cứ quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) để xét xử đối với các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

[3] Xét tính chất đồng phạm và vai trò của từng bị cáo trong vụ án xét thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo có quen biết nhau từ trước, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhau từ trước, các bị cáo cùng là người thực hành nên có vai trò ngang nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Tuấn đã có 01 tiền án, đang trong thời gian chấp hành thời hạn thử thách của bản án treo, lần phạm tội này được xác định là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự năm 1999. Bị cáo T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều thành tích trong huấn luyện chiến đấu, được tặng thưởng giấy khen, bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua, danh hiệu chiến sỹ quyết thắng của Quân chủng phòng không, không quân và ông nội được tặng huân chương kháng chiến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo X không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã có thời gian tham gia quân ngũ, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, đã tham gia làm trưởng thôn và được tặng giấy khen nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo K, bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo T2, X, K, C không có tiền án, tiền sự, được xác định là có nhân thân tốt.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng do Nhà nước quản lý, gây mất trật tự, an ninh tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, các bị cáo vẫn cố ý phạm tội, do đó, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, xét thấy cần cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo: Đối với bị cáo T1 phạm tội lần này là tái phạm, cần xét xử bị cáo hình phạt tù, trong khung hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung. Bị cáo hiện đang chấp hành thời gian thử thách của án treo, do vậy cần chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo thành hình phạt tù, tổng hợp hình phạt của hai bản án và quyết định hình phạt chung đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo T2, X, K, C không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T2 có nhiều thành tích hơn các bị cáo X, K, C, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên cần xét xử: bị cáo T2 hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo, do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng việc khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo; bị cáo X, bị cáo C, bị cáo K hình phạt tù trong khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giúp đỡ, giám sát của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung

[7] Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo T1, T2, X, K, C mỗi bị cáo 3.000.000 đồng.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn C1, quá trình điều tra xác định các bị cáo đánh bạc tại nhà anh C1 nhưng không hỏi anh C1, anh C1 không biết, không được hưởng lợi gì nên không đồng phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C1 là có căn cứ. Đối với anh Nguyễn Đăng H đến chơi, ngồi xem, không tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 05 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví giả da màu nâu Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn T 1; Nguyễn Đăng X ; Nguyễn Văn K ; Nguyễn Văn T 2; Nguyễn Văn C là tài sản của các bị cáo, không sử dụng vào việc đánh bạc do đó ngày 13-02-2018, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho các bị cáo các tài sản trên là có căn cứ.

Đối với vật chứng là 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sù, 01 chiếc cối là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền thu giữ trong người của bị cáo T1, bị cáo X không sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T 1, Nguyễn Văn T 2, Nguyễn Đăng X , Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; khoản 5 Điều 60; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của bản án số 107/2016/HSST ngày 25-8-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26-12-2017, được trừ vào thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến 04/8/2016 của bản án số 107/2016/HSST ngày 25-8-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, Thành phố H nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, thành phố H (nơi bị cáo cư trú) để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng X 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, thành phố H (nơi bị cáo cư trú) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp bị cáo thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, thành phố H (nơi bị cáo cư trú) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, thành phố H (nơi bị cáo cư trú) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999;

Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào: Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài chắn, mỗi bộ 100 quân bài; 02 chiếc đĩa sừ; 01 chiếc cói có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-3-2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.710.000 đồng (chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ của bị cáo T2, bị cáo K theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1047882 ngày 06-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tại Kho bạc nhà nước huyện Đ.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T1 28.900.000 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1047882 ngày 06-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tại Kho bạc nhà nước huyện Đ, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Nguyễn Đăng X 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1047882 ngày 06-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tại Kho bạc nhà nước huyện Đ, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đăng X, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã C, huyện Đ, T.p H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã lý)**